

Số: 104/UBND-TNMT
V/v báo cáo kết quả thực hiện
đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính

TP. Bắc Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Công văn số 1856/STNMT-ĐĐBĐ ngày 01/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh về việc báo cáo kết quả đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy CNQSD đất sau đo đạc trên địa bàn.

UBND thành phố báo cáo như sau:

1. Công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính:

- Năm 2011, Thành phố sáp nhập 5 xã của huyện Yên Dũng và huyện Lạng Giang; đến năm 2013, UBND thành phố tiến hành đo đạc Bản đồ địa chính 5 xã mới sáp nhập về thành phố (nghiệm thu bản đồ năm 2014). Tổng diện tích 3.495,76ha, cụ thể như sau:

+ Đo mới bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 của 05 xã với tổng diện tích: 2.518,79 ha.

+ Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 của 05 xã: 976,97 ha.

- Năm 2017, UBND thành phố tiến hành triển khai đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính 5 phường, với diện tích 1.315,97ha, cụ thể như sau:

+ Diện tích đo đạc bản đồ địa chính đã kiểm tra nghiệm thu: 415,03 ha.

+ Diện tích đo đạc bản đồ địa chính đã thực hiện nhưng chưa kiểm tra nghiệm thu: 900,94 ha.

(Có Biểu tổng hợp số 01 kèm theo)

2. Khối lượng cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo bản đồ địa chính:

- Đối với công tác cấp Giấy CNQSD đất sau đo đạc của 5 xã; tổng số Giấy CNQSD đất đã cấp là 9.528 Giấy, với 18.754 thửa đất; trong đó:

+ Giấy CNQSD đất cấp mới là: 308 Giấy.

+ Giấy CNQSD đất cấp đổi là: 9.220 Giấy.

- Công tác đo đạc bản đồ địa chính 5 phường đang trong giai đoạn rà soát, kiểm tra, nghiệm thu bản đồ; do vậy, chưa đến bước làm thủ tục cấp đổi Giấy CNQSD đất sau đo đạc.

(Có Biểu tổng hợp số 02 kèm theo)

3. Khối lượng và kinh phí đã đầu tư các hạng mục của tất cả các dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về đo đạc lập BĐDC gắn với đăng ký đất đai, cấp Giấy CNQSD đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính:

- Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp đổi Giấy CNQSD đất 5

xã sáp nhập về thành phố: Tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự toán là 20.967.639.937 đồng; đã thực hiện xong nghiệm thu và thanh toán 7,5 tỷ đồng, hiện đang bàn giao sản phẩm và đề nghị thanh toán với kinh phí khoảng 4,5 tỷ đồng.

- Trên địa bàn thành phố đang tiến hành Đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 05 phường: Ngô Quyền, Xương Giang, Đình Kế, Trần Nguyên Hãn, Thọ Xương, thành phố Bắc Giang: Tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự toán: 31.478.787.000 đồng;

(Có Biểu tổng hợp số 03 kèm theo)

4. Nhu cầu khối lượng và kinh phí thực hiện nhiệm vụ đo đạc lập BĐDC gắn với đăng ký đất đai, cấp Giấy CNQSD đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính ở địa phương còn lại và năm 2018

Hiện nay, trên địa bàn thành phố còn 6 phường, xã (Mỹ Độ, Trần Phú, Lê Lợi, Hoàng Văn Thụ, Đa Mai, Song Mai) cần tiếp tục triển khai đo đạc lập BĐDC gắn với đăng ký đất đai, cấp Giấy CNQSD đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính với dự kiến kinh phí khoảng: 38 tỷ đồng.

5. Trên cơ sở kết quả thực hiện cho thấy: Công tác đo đạc bản đồ địa chính giúp cơ quan quản lý Nhà nước về quản lý đất đai chặt chẽ hơn, cập nhật được hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai qua từng giai đoạn, ... phục vụ cho công tác cấp Giấy CNQSDĐ, Bồi thường GPMB, giải quyết tranh chấp đất đai, ... được thuận lợi.

Về tồn tại: Khi tiến hành xong đo đạc bản đồ địa chính thì việc chỉnh lý, biên động đất đai còn gặp nhiều phức tạp; diện tích một số thửa đất có sự chênh lệch giữa bản đồ cũ và mới gây thắc mắc trong nhân dân. Việc thiết lập hồ sơ cấp lại giấy CNQSD đất còn chậm. Lập cơ sở dữ liệu cho toàn hệ thống đất đai từ cơ sở đến thành phố triển khai còn chậm, hồ sơ chưa đầy đủ dẫn đến việc tra cứu còn gặp nhiều khó khăn.

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, tiếp tục hỗ trợ kinh phí Đo đạc, cấp Giấy CNQSDĐ sau khi đo đạc bản đồ địa chính để hoàn thành dứt điểm công tác Đăng ký quyền sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định, cũng như xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ thuận tiện cho việc quản lý hồ sơ địa chính các cấp.

Vậy, UBND thành phố báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Như trên (để b/c);
- TT Thành ủy, HĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP (để b/c);
- Bản điện tử;
- Phòng TNMT;
- Lưu: VT

**TM, ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Duy Trọng

KHÔI LƯƠNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH PHỤC VỤ LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CẤP GCN QSD ĐẤT

ĐO THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

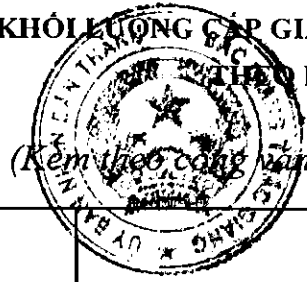
(Kèm theo tổng văn số: 104/UBND-TNMT ngày 09/8/2018 của UBND thành phố)

Biểu 01

đvt: ha

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích đo đạc bản đồ địa chính đã kiểm tra, nghiệm thu					Diện tích đo đạc bản đồ địa chính đã thực hiện nhưng chưa kiểm tra nghiệm thu					Ghi Chú
		Tổng	Tỷ lệ 1/500	Tỷ lệ 1/1000	Tỷ lệ 1/2000	Tỷ lệ 1/5000	Tổng	Tỷ lệ 1/500	Tỷ lệ 1/1000	Tỷ lệ 1/2000	Tỷ lệ 1/5000	
1	Phường Thọ Xương						402,21					
2	Phường Xương Giang	299,98	299,98									
3	Phường Trần Nguyên Hãn	-					86,86					
4	Phường Ngô Quyền	115,05	115,05									
5	Phường Đinh Kế	-					411,87					
6	Xã Tân Mỹ	741,63		174,37	567,26							
7	Xã Song Khê	444,52		89,85	354,67							
8	Xã Đông Sơn	850,02		440,11	409,91							
9	Xã Tân Tiến	786,86		127,97	658,89							
10	Xã Đinh Trì	672,73		144,67	528,06							
	Tổng	3.910,79	415,03	976,97	2.518,79		900,94					

KHỐI LƯỢNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSHNO VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT



THEO BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

(Tính đến 30/6/2018)

(Kèm theo công văn số: 104/UBND-TNMT ngày 07/8/2018 của UBND thành phố)

Biểu 02

đvt: ha

STT	Tên đơn vị hành chính	Khối lượng đã thực hiện (đã in GCN)						Khối lượng còn lại phải thực hiện, kể cả khối lượng đã thẩm định nhưng chưa in GCN	
		Tổng số giấy	Tổng số thửa	Cấp mới (giấy)	Số thửa (thửa)	Cấp đổi (giấy)	Số thửa (thửa)	Cấp mới (giấy)	Cấp đổi (giấy)
1	Xã Tân Mỹ	1.999,0	2.589,0	308,0		1.691,0	2.589,0		
2	Xã Song Khê	1.789,0	1.789,0			1.789,0	1.789,0		
3	Xã Đồng Sơn	1.790,0	7.087,0			1.790,0	7.087,0		
4	Xã Tân Tiến	1.041,0	1.041,0			1.041,0	1.041,0		
5	Xã Đình Trị	2.909,0	6.248,0			2.909,0	6.248,0		
	Tổng cộng	9.528,0	18.754,0	308,0	-	9.220,0	18.754,0	-	-

